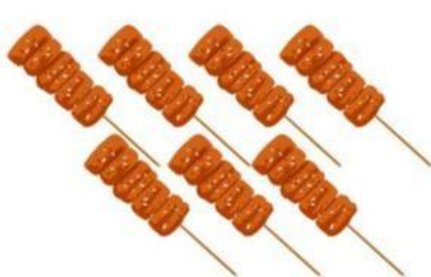


Họ và tên: Lớp 1.4

PHIẾU RÈN TOÁN CUỐI TUẦN 16

I. Thử thách 1: Vòng trắc nghiệm.

Câu 1: Có bao nhiêu quả xiên chả cá?



- A. 7 xiên B. 8 xiên C. 9 xiên D. 10 xiên

Câu 2: Số bé nhất trong dãy số **2; 9; 3; 6; 5** là

- A. 9 B. 2 C. 3 D. 5

Câu 3: Các số cần điền vào chỗ trống là:

....., , **5, 6, 7**

- A. 4; 3 B. 4; 5 C. 2; 3 D. 3; 4

Câu 4: Kết quả của phép tính **5 + 4 = ?**

- A. 9 B. 8 C. 7 D. 6

Câu 5: Kết quả của phép tính **4 + 2 - 2 = ?**

- A. 6 B. 5 C. 4 D. 3

Câu 6: Dấu cần điền là: **8 - 3 ... 0 + 5**

- A. < B. = C. > D. +

Thử thách 2: Vòng tự luận.

Câu 1: Tính nhẩm.

$2 + 4 = \dots$

$5 + 5 = \dots$

$6 + 2 = \dots$

$3 + 4 = \dots$

$0 + 7 = \dots$

$8 - 0 = \dots$

$10 - 2 = \dots$

$5 - 0 = \dots$

$4 - 4 = \dots$

$9 - 6 = \dots$

$8 - 4 = \dots$

$7 - 5 = \dots$

Câu 2: Số?

$10 + \dots = 10$

$5 - \dots = 2$

$9 - \dots = 3$

$4 + \dots = 7$

$7 - \dots = 6$

$8 - \dots = 0$

Câu 3: Tính

$4 + 5 + 0 = \dots$

$8 - 4 - 2 = \dots$

$10 - 5 - 1 = \dots$

$\dots$
 $0 + 2 + 4 = \dots$

$\dots$
 $2 + 4 - 3 = \dots$

$\dots$
 $6 - 3 + 5 = \dots$

Câu 4: Cho các số sau: **10, 0, 7, 5, 2**. Em hãy viết.

a. Số bé nhất là:

b. Số lớn nhất là:

c. Sắp xếp từ bé đến lớn:

Câu 5: Viết phép tính tương ứng với tranh vẽ.

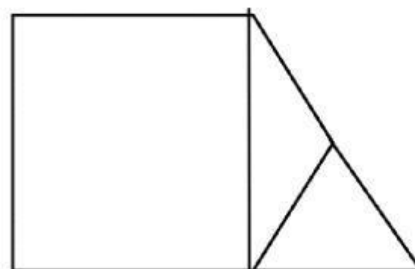


--	--	--	--	--	--	--

Câu 6: Cho hình sau:

Có ... hình vuông.

Có ... hình tam giác.



RÈN TIẾNG VIỆT ĐỌC HIỂU

I. Dựa vào nội dung bài đọc **“Tiết tập viết”**, em hãy khoanh tròn vào chữ cái đặt trước ý trả lời đúng nhất hoặc viết nội dung trả lời cho các câu còn lại.

Tiết tập viết

Sáng sớm có tiết tập viết. Cô cho cả lớp viết từ “chăm chỉ”. Cô viết chữ lên bảng, cả lớp chăm chú nhìn. Chữ cô thật đẹp. Bé Chi cũng cố gắng viết đẹp giống cô. Em nắn nót viết thật cẩn thận. Cô chấm vở, cô ghi một dòng chữ đỏ: Chữ bé Chi thật đẹp, cô khen em.

Câu 1: Bài đọc có câu.

A. 6.

B. 7.

C. 8.

D. 9.

Câu 2: Cả lớp học tiết gì?

A. Tiếng việt.

B. LiM.

C. Tập viết.

D. Bóng đá.

Câu 3: Nội dung nội dung bài đọc.

(a) Bé Chi

(b) Cô giáo

(1) buồn vì chữ Chi chưa đẹp.

(2) chấm vở và khen Chi.

(3) nắn nót viết thật cẩn thận.

Câu 4: Vì sao cô giáo khen Chi?

Chi

II. Bài tập.

Điền tiếng: **tiếng, tiền, thiên**, vào chỗ trống.

1. Em đút nuôi lợn đất.

2. xe điện leng keng.